

Bản án số: 13/2019/HSST
Ngày: 01/4/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC.

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng
2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 3 và 01 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 06/2019/HSST ngày 23/01/2019, đối với các bị cáo:

1. **Lê Đình B**; Sinh năm 1994, tại tỉnh B.

HKTT: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N. Con ông Lê Đình B, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963. Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/11/2018 cho đến nay. (Có mặt).

2. **Trần Chí V**; Sinh năm 1992, tại tỉnh B.

HKTT: Thôn 5, xã M, huyện B, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N. Con ông Trần Chí M (chết) và bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1971. Tiền sự: Không; Tiền án: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/11/2018 cho đến nay. (Có mặt).

**** Người bị hại:***

1. Anh Nguyễn Y; Sinh năm 1981. (Vắng mặt).

HKTT: Thôn 8, xã M, huyện B, tỉnh B.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Anh Trần Văn Th, sinh năm 1998. (Vắng mặt).

HKTT: Thôn 4, xã M, huyện B, tỉnh B.

2. Anh Điều T, sinh năm 1997 (Có mặt)

HKTT: Thôn 5, xã M, huyện B, tỉnh B

3. Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1987(Vắng mặt)
HKTT: Thôn Ph, xã Ph, huyện Ph, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 15/8/2018, Lê Đình B, Trần Chí V và Trần Văn Th tổ chức uống rượu tại nhà của V ở thôn 5, xã M, huyện B, tỉnh B. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, B rủ Th và V đi đến chòi của vợ cH anh Nguyễn Y chị Hồ Thuý H ở thôn 8 cùng xã M để bắt trộm gà về làm mồi nhậu. V điều khiển xe Mô tô biển số 93H1 - 088.83 mượn của Điều T chở B và Th. Khi đi đến cách chòi của anh Y khoảng 100m, B nói Th ở ngoài coi xe để B và V xuống đi bộ vào chòi tìm gà, nhưng không có. Lúc này V nhìn thấy trong chòi có 02 xe mô tô nên V nói B lấy trộm xe, B đồng ý. V đi vào trong chòi dùng 2 tay dắt xe mô tô biển số 67K8 - 0521 ra ngoài, bẻ mặt nạ phía trước, rút dây điện để nối trực tiếp. Lúc này, vợ cH anh Nguyễn Y chị Hồ Thuý H đang ngủ ở bè cá trên sông nghe tiếng chó sủa dậy bơi xuống về chòi kiểm tra, nên V và B để lại xe bỏ chạy về nhà.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 50/KL-ĐG ngày 21/8/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B định giá 01 xe Mô tô hiệu Wave, loại Sufat biển số 67K8-0521, số máy: 050645, số khung: 050645 tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị: 2.200.000đ

Tại bản cáo trạng số: 09/CTr – VKS ngày 22/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố các bị cáo Lê Đình B và Trần Chí V về “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, nên giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm “ Tội trộm cắp tài sản”; Về hình phạt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Lê Đình B và bị cáo Trần Chí V từ 06 đến 09 tháng tù; Buộc các bị cáo nộp án phí theo quy định.

Các bị cáo Lê Đình B và Trần Chí V thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và trình bày ban đầu các bị cáo chỉ có mục đích đi trộm cắp gà để làm đồ nhậu, khi không tìm thấy gà mà thấy xe máy để không có người trông coi, do uống rượu không làm chủ được bản thân nảy sinh lòng tham nên V nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của bị hại và được B đồng ý; Ngoài ra, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 20 giờ ngày 15/8/2018, Lê Đình B, Trần Chí V và Trần Văn Th tổ chức uống rượu tại nhà của V ở thôn 5, xã M, huyện B, tỉnh B Phước. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, B rủ Th và V đi đến chòi của anh Nguyễn Y ở thôn 8 cùng xã M để bắt trộm gà về làm mồi nhậu. V mượn xe Mô tô biển số 93H1 - 088.83 của anh Điều T rồi điều khiển chở B và Th đi về chòi vợ chồng anh Y chị H ở ven sông để bắt gà vì trước đó B có nghe người cháu của anh Y nói có gà để ở đây. Khi đến cách chòi anh Y khoảng 100m, V dừng xe, B nói Th đứng trông xe còn B và V xuống đi bộ vào chòi tìm gà. Vào đến chòi V và B tìm không thấy gà, V nhìn thấy trong chòi có 02 xe mô tô nên nói B lấy trộm xe, B đồng ý; V đi vào trong chòi dắt xe Mô tô biển số 67K8 - 0521 ra khỏi chòi, dùng tay bẻ mặt nạ phía trước, rút dây điện. Lúc này, vợ chồng anh Y chị H đang ngủ ở bè cá trên sông nghe tiếng chó sủa nên dậy bơi xuống về chòi kiểm tra, nên V và B thấy có người soi đèn biết bị phát hiện nên để lại xe bỏ chạy về nhà.

Xe Mô tô hiệu Wave, loại Sufat biển số 67K8-0521, số máy: 050645, số khung: 050645 mà các bị cáo chiếm đoạt của bị hại tại thời điểm xảy ra tội phạm có giá trị: 2.200.000đ.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo phạm tội có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhưng vì ham ăn nhậu, tính tham lam và coi thường pháp luật nên đã phạm tội; Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Bị cáo Trần Chí V là người người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử bị cáo có mức hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo Lê Đình B là người giúp sức tích cực trong vụ án, trước đó ngày 23/10/2016 bị cáo đã Công an huyện B xử phạt hành chính số tiền 2.500.000đ về hành vi cố ý gây thương tích, đã nộp phạt; đến ngày 16/02/2017 bị cáo tiếp tục bị Công an huyện B xử phạt hành chính số tiền 3.500.000đ về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác, đã nộp phạt. Mặc dù tính đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính thì các lần vi phạm trên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, không tính là tiền sự nhưng thể hiện bị cáo có nhân thân không tốt nên cần xử bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thánh khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trị giá tài sản không lớn đã thu hồi trả người bị hại, nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s, h khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đủ điều kiện xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng theo Điều 54 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[5] Về vật chứng vụ án:

Đối với xe Mô tô hiệu Wave, loại Sufat biển số 67K8-0521, số máy: 050645, số khug: 050645. Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B đã trả lại cho vợ chồng anh Y chị H. Việc trả xe cho anh Y chị H là phù hợp nên được chấp nhận.

Đối với xe Mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter biển số 93H1-088.83 số máy: 55P1-178351 là của anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Thôn Ph, xã Ph, huyện Ph, tỉnh B; Anh N bán cho một người tên H ở huyện B, không làm giấy tờ, không nhớ họ, tên lót cũng như địa chỉ của anh H, giá bán là 33.000.000đ, nay anh không có yêu cầu gì với chiếc xe trên. Anh Điều T khai mua chiếc xe nói trên vào tháng 4/2018 của một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch với giá 6.000.000đ, không làm giấy tờ mua bán. Quá trình điều tra chưa xác minh được nguồn gốc anh Điều T có chiếc xe nói trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tách ra tiếp tục xác minh, xử lý sau nên không đặt ra.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt không yêu cầu bồi thường nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Mức hình phạt của của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị đối với các bị cáo là có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo một phần thể hiện tính khoan hồng của pháp luật; Các đề nghị khác là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s, h Khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố các bị cáo Lê Đình B và bị cáo Trần Chí V phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Đình B và bị cáo Trần Chí V mỗi bị cáo 04 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án.

Buộc các bị cáo Lê Đình B và bị cáo Trần Chí V mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Công an huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Huệ

